

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HS-ST.

Ngày: 22/9/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trương Duy Cảnh.

2/ Ông Phạm Văn Tiền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy An- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 77/2022/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84 ngày 08/9/2022 đối với các bị cáo:

1. Đỗ N Thiên L (Tên gọi khác: Đỗ N L), sinh ngày 02 tháng 7 năm 1980 tại tỉnh K; Nơi cư trú: Thôn K, xã H, thành phố K, tỉnh K; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Đỗ N, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1953; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không;

Tiền án: 02 tiền án (Ngày 28/4/2000, Đỗ N Thiên L bị Tòa án quân sự quân khu 1- Quân khu V xử phạt 30 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” và xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 17/HSST. Tổng hợp hình phạt của hai bản án số 09/HS-ST và bản án số 17/HSST là 09 năm 06 tháng tù. Đến ngày 01/5/2007, Đỗ N Thiên L chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống; Ngày 15/9/2009, Đỗ N Thiên L bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 48/HS-ST;

Nhân thân:

Ngày 08/5/1999, Đỗ N Thiên L bị Tòa án quân sự quân khu V xử phạt 05 năm tù về tội “Chiếm đoạt, tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo bản án số 09/HS-ST;

Ngày 29/9/2009, Đỗ N Thiên L bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 24 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án số 55/HS-ST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2022 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Hồng N (Tên gọi khác: T), sinh ngày 22 tháng 12 năm 1988 tại tỉnh K; Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã H, thành phố K, tỉnh K; Nơi cư trú: Tổ 02, phường D, thành phố K, tỉnh K; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc

tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Đỗ N, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1953; Có vợ: Vũ Thị L, sinh năm 1989; và 01 con: Đỗ Văn Th, sinh năm 2018;

Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2022 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Ông Vũ Nam Ch, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn 02, xã Đ, thành phố K, tỉnh K (có mặt).

2/ Bà Võ Thị B, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 09, xã Đ, thành phố K, tỉnh K (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đặng Trí H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 01, phường N, thành phố K, tỉnh K.

2/ Chị Hồ Thị Th T, sinh năm 1992; địa chỉ: 106 N, phường D, thành phố K, tỉnh K.

3/ Bà Đinh Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn R, xã R, huyện S, tỉnh K.

(Tất cả người liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 16/4/2022 đến ngày 18/4/2022 tại xã Đ, thành phố K, tỉnh K Đỗ N Thiên L đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; Trong đó có một lần cùng tham gia trộm cắp với bị cáo Đỗ Hồng N, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 23 giờ 00 ngày 16/4/2022, L điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius BKS: 82M1-025.30 kéo theo xe cộ đi tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà bà Võ Thị B tại đường Võ Nguyên Giáp thuộc thôn 9, xã Đ, thành phố K, tỉnh K, phát hiện nhà bà B đã đóng cửa, tắt đèn, cổng trước và cửa chính ngôi nhà không khoá, L đi mở cửa vào bên trong nhà thấy 01 máy nổ hiệu Jiang Dong, do một mình không thể khiêng được chiếc máy nổ nên L đã điều khiển xe mô tô đến quán điện tử có tên “ImBa” tại 950 Phan Đình PH, thành phố K, tỉnh K và gặp một Th niên tên Tâm (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) nhờ khiêng hộ chiếc máy nổ lên xe cộ để mang đi sửa và L hứa sẽ cho Tâm tiền chơi điện tử. Tâm đồng ý đi theo L đến nhà bà B khiêng chiếc máy nổ lên xe cộ cho L, sáu đó L chở Tâm quay lại quán Game rồi L nói: “Khi nào có tiền sẽ cho Tâm sau”. Sau khi lấy được máy nổ L điều khiển xe mô tô chở máy nổ đến xưởng phế liệu của ông Đặng Trí H tại Tổ 1, phường N, thành phố K nơi L làm việc cất giấu để sửa chữa rồi mới mang đi bán.

Tại Kết luận định giá tài sản, kết luận: Giá trị của 01 Máy nổ hiệu Jiang Dong tại thời điểm bị chiếm đoạt là 3.125.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ 00 ngày 18/4/2022, bị cáo L rủ bị cáo Đỗ Hồng N là em trai ruột cùng đi lấy trộm chiếc chân bồn nước bằng sắt bán lấy tiền tiêu xài. N đồng ý, nên L điều khiển xe mô tô BKS 82M1-025.30 chở N đến vị trí có chân bồn nước bằng sắt quan sát trước để chuẩn bị công cụ.

Đến khoảng 19 giờ 00 cùng ngày, L điều khiển xe mô tô BKS 82M1-025.30 kéo theo một xe cộ chở N cùng đi trộm cắp chân bồn nước. Khi đi L mang theo 01 xà beng, 01 cờ lê, N mang theo 01 cái cửa sắt màu vàng xanh. Khi đến ngôi nhà không có người trông coi ở vườn cao su của ông Vũ Nam Ch tại thôn 2, xã Đ, thành phố K, N trèo qua hàng rào vào bên trong dùng cửa sắt để cửa chân bồn nước bằng sắt chữ V dày 0,3cm, chiều cao 4,7m, đáy lớn kích thước (2m x 2m), đáy bé có kích thước (1,4m x 1,2m). L soi đèn cho N cửa được một lúc thì ra ngoài cảnh giới. Trong khi đang cửa thì bị Công an xã Đắc Cẩm phát hiện lập biên bản phạm tội quả tang.

Kết luận định giá tài, kết luận: Giá trị của 01 chân bồn nước tại thời điểm chiếm đoạt là 7.050.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 82/CT-VKSTPKT ngày 31/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo L về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; truy tố bị cáo N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo L từ 26 đến 30 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 57, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo N từ 07 đến 09 tháng tù. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Ch 3.000.000 đồng và chịu phí hình sự theo quy định

Bị hại ông Ch xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Hai bị cáo đều nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 23 giờ 00 ngày 16/4/2022, tại thôn 9, xã Đ, thành phố K, bị cáo Đỗ N Thiên L đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản L tài sản để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Võ Thị B 01 máy nổ nhãn hiệu Jiang Dong, giá trị 3.125.000 đồng.

Khoảng 19 giờ 00 ngày 18/4/2022 tại vườn cao su thuộc thôn 2, xã Đ, thành phố K, tỉnh K, bị cáo Đỗ N Thiên L và Đỗ Hồng N đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Vũ Nam Ch 01 chân bồn nước bằng sắt chữ V giá trị 7.050.000 đồng. Do bị phát hiện bắt giữ, nên hai bị cáo chưa đưa được tài sản trộm cắp (01 chân bồn nước) ra khỏi phạm vi quản lý của chủ sở hữu. Việc không thực hiện được phạm tội đến cùng là người ý muốn chủ quan của hai bị cáo, do đó hai bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt đối với hành vi trộm cắp 01 chân bồn nước.

Hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo L và bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo L phạm tội hai lần với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 10.175.000 đồng. Trước khi thực hiện hành vi 2 lần trộm cắp này, thì ngày 15/9/2009 bị cáo bị xử phạt 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt theo quy định điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; truy tố bị cáo N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố K.

[3] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo L hai lần thực hiện hành vi phạm tội mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Bị cáo N không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Cả hai bị cáo đề thành khẩn khai báo, cùng có mẹ là bà Nguyễn Thị L được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đỗ N Thiên L đang bị điều trị viêm phổi, lao phổi nặng.

Riêng bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ăn năn hối cải nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Nhân thân:

- Bị cáo N có nhân thân tốt.

- Bị cáo L có nhân thân xấu, đã 02 lần bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 01 tội về tội “Trốn khỏi nơi giam” đều chưa được xóa án tích. Ngày 08/5/1999 bị Tòa án quân sự quân khu V xử phạt 05 năm tù về tội “Chiếm đoạt, tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”; ngày 29/9/2009 bị TAND thành phố K xử phạt 24 tháng tù về tội “Đánh bạc” đều đã xóa án tích.

[6] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian, đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa Ch.

Hai bị cáo tội phạm chưa đạt đối với hành vi chiếm đoạt 01 chân bồn nước của ông Ch vào ngày 18/4/2022, nên HĐXX áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 BLHS khi xem xét quyết định hình phạt đối với hai bị cáo về hành vi phạm tội chưa đạt này.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập, nên Hội đồng xét xử xét không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Các vấn đề khác:

8.1. *Xử L vật chứng:*

- Cơ quan CSĐT đã trả: 01 chân bồn nước bằng sắt, 01 Máy nổ Jiang Dong và 01 xe mô tô BKS: 82M1-025.30 cho các chủ sở hữu là ông Vũ Nam Ch, bà Võ Thị B và bà Hồ Thị Th T là đúng quy định;

- 01 xe cộ, 01 Cờ lê, 01 xà beng và 01 cưa tay là công cụ phương tiện phạm tội không còn giá trị, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

8.2. *Trách nhiệm dân sự:*

- Bị hại bà B đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

- Bị hại ông Ch yêu cầu 02 bị cáo bồi thường thiệt hại 3.000.000 đồng tiền thuê chỗ ở và tiền công thợ hàn dựng lại bồn nước. Yêu cầu này của ông Ch là có cơ sở và đã được hai bị cáo chấp nhận bồi thường.

8.3. *Án phí:* Hai bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

8.4. Người Th niên tên Tâm (không rõ nhân thân lai lịch) được L nhờ đi khiêng hộ máy nổ. Cơ quan CSĐT chưa xác định được nhân thân lai lịch. Khi nào xác minh được sẽ xử L sau.

8.5. Ông Đặng Trí H chủ xưởng phế liệu không biết việc L cất giấu máy nổ trộm cắp tại xưởng của mình. Do đó không đủ căn cứ để xử L ông H về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

8.6. Bà T không biết việc L sử dụng xe mô tô của mình thực hiện hành vi trộm cắp, nên không có cơ sở xử L trách nhiệm hình sự đối với bà T.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ N Thiên L (Tên gọi khác: Đỗ N L) và bị cáo Đỗ Hồng N (Tên gọi khác: T) phạm tội “*Tội trộm cắp tài sản*”.

2. Hình Phạt:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đỗ N Thiên L** (Tên gọi khác: Đỗ N L): **30** (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày **14/6/2022**).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 57, Điều 15, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Hồng N** (Tên gọi khác: T): **07** (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày **14/6/2022**).

4. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Đối với 01 (Một) xe cộ, bằng kim loại; 01 (Một) Cờ lê, bằng kim loại; 01 (Một) Xà beng, bằng kim loại, dài khoảng 95cm; 01 (Một) Cưa tay, bằng kim loại, màu xanh.

Tất cả các vật chứng nêu trên đều có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 24/9/2018, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

5. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1, 3 Điều 589 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Đỗ N Thiên L và bị cáo Đỗ Hồng N phải liên đới bồi thường cho ông Vũ Nam Ch số tiền **3.000.000** (Ba triệu) đồng.

Trách nhiệm do chậm trả tiền: Áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và ông Vũ Nam Ch có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo L và bị cáo N không thi hành hoặc thi hành không đủ khoản tiền **3.000.000** đồng nêu trên, thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền. Lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1, 3 Điều 21; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- *Án phí hình sự:* Bị cáo Đỗ N Thiên L và bị cáo Đỗ Hồng N mỗi bị cáo phải chịu **200.000** (Hai trăm nghìn đồng) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Án phí dân sự:* Bị cáo Đỗ N Thiên L và bị cáo Đỗ Hồng N cùng liên đới chịu **300.000** (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá, trong đó mỗi bị cáo phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

7. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/9/2022) bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND TP K;
- VKSND tỉnh K;
- Công an TP KonTum;
- Chi cục THADS TP K;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Các Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hoài